

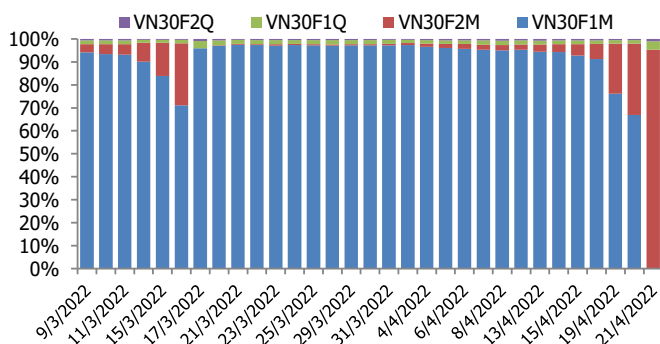
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI |
|-----------|--------------|---------|----------|--------|
| VN30F2204 | 21/4/2022 | 0 | 1435.30 | - |
| VN30F2205 | 19/5/2022 | 28 | 1450.00 | 21,411 |
| VN30F2209 | 15/9/2022 | 147 | 1450.00 | 807 |
| VN30F2212 | 15/12/2022 | 238 | 1450.00 | 233 |

TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỶ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Thị trường phái sinh dao động mạnh trong phiên đảo hạn HĐTL tháng 4. Đóng cửa, 3/4 HĐTL lấy lại sắc xanh tăng điểm, trong khi HĐTL tháng 4 điều chỉnh nhẹ 4,7 điểm và đóng cửa cao hơn chỉ số cơ sở 8,43 điểm. Hiện tại, basis của các hợp đồng đều mạnh lên so với phiên liền trước. Cụ thể, basis của VN30F2205 tăng lên +23,13 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2206 cũng tăng lên +23,13 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm nhẹ so với phiên liền trước, đạt 236.788 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại bán ròng HĐTL tháng 05 với 581 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 400 hợp đồng.
- Động lực từ nhóm cổ phiếu tài chính kéo VN-Index từ vùng 1.360 điểm, vượt qua tham chiếu lên vùng 1.390 điểm đầu phiên chiều, nhưng thêm một phiên nữa kịch bản bán mạnh cuối phiên tái diễn khiến VN-Index quay đầu giảm hơn 14 điểm với 92 mã giảm sàn. Về kỹ thuật, chuỗi giảm liên tiếp của chỉ số Vn-Index đã vượt qua cả giai đoạn thị trường chịu ảnh hưởng từ đợt covid-19 hồi cuối tháng 3/2020, bên cạnh đó chỉ số RSI cũng đã về mức thấp nhất gần 2 năm qua, cho thấy áp lực bán đã đi vào vùng quá đà, do vậy nhịp hồi kỹ thuật sẽ xuất hiện trong các phiên sắp tới.
- Thị trường phái sinh vẫn đang trong giai đoạn biến động mạnh và dấu hiệu tạo vùng cân bằng vẫn chưa xuất hiện. Nhiều khả năng diễn biến hiệu chỉnh basis sẽ diễn ra trong phiên sáng mai. Nếu thị trường cơ sở tiếp tục suy yếu thì thị trường phái sinh có thể chỉnh mạnh hơn, chiều ngược lại, nếu thị trường cơ sở hồi phục thì phái sinh có thể đi ngang hoặc điều chỉnh nhẹ. Với bối cảnh hiện tại, chiến lược daily trading sẽ là chiến lược hợp lý hơn. Đối với chiến lược Long, khi chiết khấu thấp hơn so với vùng giá hiện tại (vùng 1438- 1442 điểm hoặc thấp hơn tại vùng 1423-1427 điểm). Vùng kháng cự quan trọng cho các nhịp hồi nếu xảy ra trên chỉ số phái sinh là 1453-1456 điểm hoặc 1485-1493 điểm.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

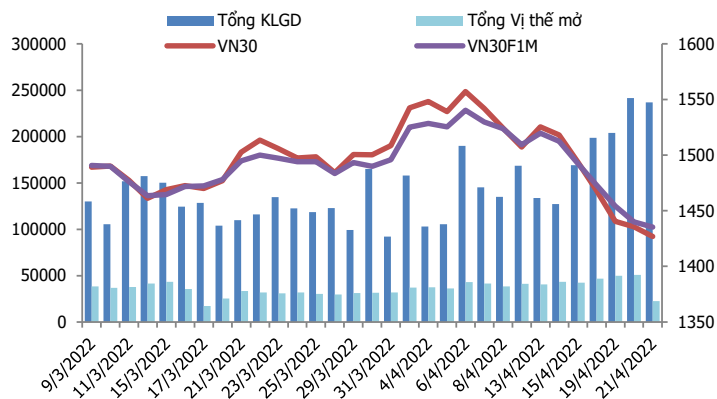
Đối với chiến lược Long, khi chiết khấu thấp hơn so với vùng giá hiện tại (vùng 1438-1442 điểm hoặc thấp hơn tại vùng 1423-1427 điểm). Chiến lược Short được kích hoạt tại vùng kháng cự quan trọng cho các nhịp hồi là 1453-1456 điểm hoặc 1485-1493 điểm.

Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Hoạt động nắm giữ vị thế tạm thời chưa được khuyến khích.

Chiến lược giao dịch spread

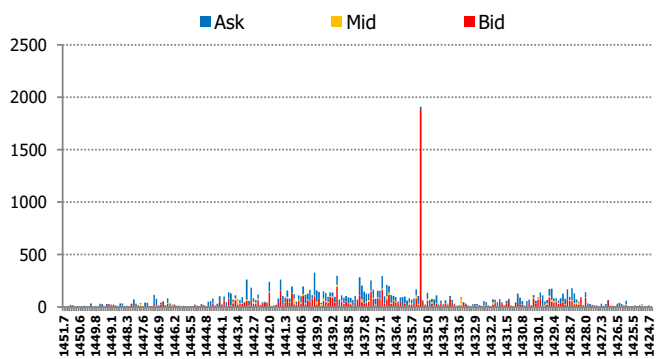
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỶ HẠN

| Hợp đồng | Giá | % Chg | KLGD | % Chg | OI | % Chg |
|-------------|--------|-------|---------|-------|--------|--------|
| VN30F2204 | 1435.3 | -0.33 | 210,284 | -7.1 | - | -100.0 |
| VN30F2205 | 1450.0 | 0.76 | 26,273 | 76.2 | 21,411 | 35.6 |
| VN30F2209 | 1450.0 | 0.62 | 151 | -36.6 | 807 | 2.0 |
| VN30F2212 | 1450.0 | 0.69 | 80 | -52.9 | 233 | -7.5 |
| Tổng | | | 236,788 | -2.0 | 22,451 | -55.9 |

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Thị trường phái sinh dao động mạnh trong phiên đảo hạn HĐTL tháng 4. Đóng cửa, 3/4 HĐTL lấy lại sắc xanh tăng điểm, trong khi HĐTL tháng 4 điều chỉnh nhẹ 4,7 điểm và đóng cửa cao hơn chỉ số cơ sở 8,43 điểm.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm 1,58% so với phiên liền trước, đạt 236.788 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 04 với 210.284 hợp đồng. Khối ngoại tiếp tục bán ròng HĐTL tháng 04 với 145 hợp đồng, lũy kế bán ròng khoảng 1.623 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2204 là 1.426,87 điểm (thấp hơn 8,43 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2205 là 1.428,28 điểm (-21,72 điểm), VN30F2206 là 1.434,31 điểm (-15,69 điểm) và VN30F2209 là 1.438,94 điểm (-11,06 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

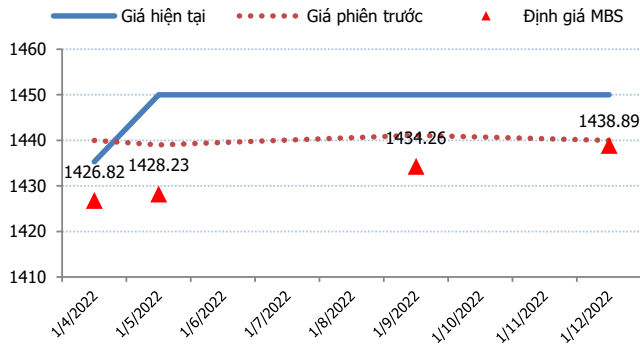
| Khung thời gian | 15m | 1h | Daily |
|-----------------|------------------|------------------|------------------|
| Tổng kết | SELL | SELL | SELL |
| Hỗ trợ | 1438-1442 | 1423-1427 | 1400-1407 |
| Kháng cự | 1453-1456 | 1485-1493 | 1528-1536 |

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M



| Spread HĐTL | Hiện tại | Phiên trước | +/- | MA5 |
|-------------------|----------|-------------|------|-------|
| VN30F2M - VN30F1M | 14.7 | -1.00 | 15.7 | 4.74 |
| VN30F1Q - VN30F1M | 14.7 | 1.10 | 13.6 | 4.84 |
| VN30F1Q - VN30F2M | 0 | 2.10 | -2.1 | 0.1 |
| VN30F2Q - VN30F1M | 14.7 | 0.00 | 14.7 | 0.66 |
| VN30F2Q - VN30F2M | 0 | 1.00 | -1 | -4.08 |
| VN30F2Q - VN30F1Q | 0 | -1.10 | 1.1 | -4.18 |

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỶ HẠN



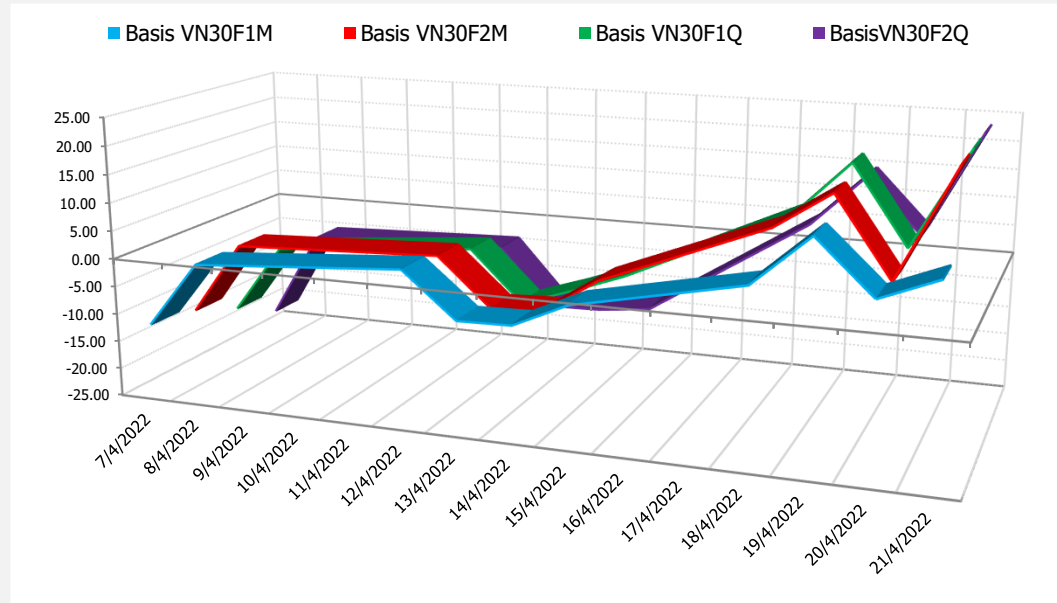
DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

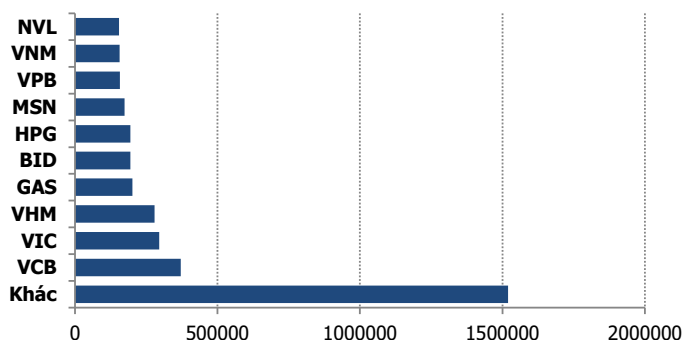
- Thị trường phái sinh dao động mạnh trong phiên đáo hạn HĐTL tháng 4. Đóng cửa, 3/4 HĐTL lấy lại sắc xanh tăng điểm, trong khi HĐTL tháng 4 điều chỉnh nhẹ 4,7 điểm và đóng cửa cao hơn chỉ số cơ sở 8,43 điểm. Hiện tại, basis của các hợp đồng đều mạnh lên so với phiên liền trước. Cụ thể, basis của VN30F2205 tăng lên +23,13 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2206 cũng tăng lên +23,13 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay.
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng tăng, hiện nằm trong khoảng 0 điểm đến +14,7 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2204-VN30F2203) tăng thêm 15,7 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL

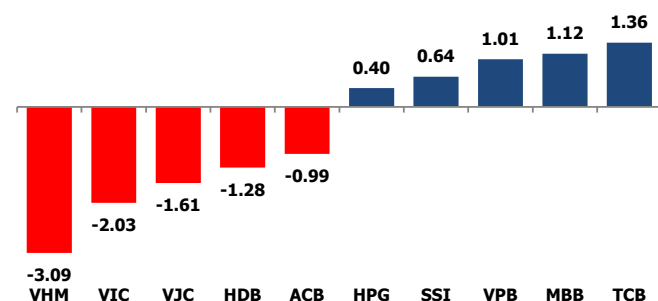


| | VNIndex | VN30 |
|-----------------------|----------|----------|
| Đóng cửa | 1370.21 | 1426.87 |
| Thay đổi | -14.51 | -8.63 |
| %Chg | -1.05 | -0.60 |
| YTD | -8.55 | -7.09 |
| Vốn hóa (ngh.tỷ đồng) | 5,431.19 | 3,698.55 |
| P/E | 15.50 | 12.83 |
| P/B | 2.39 | 2.51 |

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nguyên nhân khiến các chỉ số chính tiếp tục chìm trong sắc đỏ. Số mã giảm điểm (17) áp đảo hoàn toàn so với số mã tăng điểm (11) và 2 mã đứng tham chiếu. VHM và VIC trở thành hai trụ tác động tiêu cực nhất tới đà giảm của VN30-Index với mức ảnh hưởng lần lượt là -3,09 điểm và -2,03 điểm; ngoài ra VJC, HDB hay ACB cũng là những bluechips giảm điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa dưới mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 giảm 8,63 điểm (-0,6%) xuống 1.426,87 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 200,79 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị 8.693 tỷ đồng.

Khối ngoại tiếp tục mua ròng mạnh với 921,41 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực mua tập trung ở các mã như VRE (+71 tỷ đồng), VNM (+57 tỷ đồng), NLG (+49 tỷ đồng), MSN (+47 tỷ đồng), DXG (+45 tỷ đồng).

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



| Chỉ số | Điểm số | %Chg | P/E | YTD |
|------------|-----------|--------|-------|---------|
| VNIndex | 1,370.21 | (1.05) | 15.50 | (8.55) |
| Dow Jones | 34,792.76 | (1.05) | 18.92 | (4.25) |
| S&P500 | 4,393.66 | (1.48) | 22.72 | (7.82) |
| Nikkei 225 | 27,034.70 | (1.88) | 15.24 | (6.10) |
| Shanghai | 3,079.81 | (2.26) | 13.01 | (15.38) |
| DAX | 14,502.41 | 0.98 | 14.82 | (8.70) |
| Vàng | 1,950.73 | (0.05) | | 6.64 |
| Dầu WTI | 103.88 | 0.09 | | 38.12 |

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

| | Kỳ trước | Dự báo | Thực tế |
|--|----------|--------|---------|
| Thứ Hai - 18/04/2022 | | | |
| Trung Quốc - GDP (năm/năm) (Quý 1) | 4.0% | 4.4% | 4.8% |
| Trung Quốc - Sản lượng công nghiệp (năm/năm) (Tháng 3) | 7.5% | 4.5% | 5.0% |
| Thứ Ba - 19/04/2022 | | | |
| Mỹ - Giấy phép xây dựng (Tháng 3) | 1.865M | 1.825M | 1.873M |
| Thứ Tư - 20/04/2022 | | | |
| Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản của PBoC | 3.70% | | 3.70% |
| Canada - CPI lõi (tháng/tháng) (Tháng 3) | 0.8% | 0.5% | 1.0% |
| Mỹ - Doanh số bán nhà hiện tại (Tháng 3) | 5.93M | 5.80M | 5.77M |
| Mỹ - Dự trữ dầu thô | 9.382M | 2.471M | -8.020M |
| New Zealand - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (quý/quý) (Quý 1) | 1.4% | 2.0% | 1.8% |
| Thứ Năm - 21/04/2022 | | | |
| Châu Âu - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (năm/năm) (Tháng 3) | 5.9% | 7.5% | 7.4% |
| Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu | 186K | 180K | 184K |
| Mỹ - Chỉ số sản xuất Fed Philadelphia (Tháng 4) | 27.4 | 20.0 | 17.6 |
| Thứ Sáu - 22/04/2022 | | | |
| Anh - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 3) | -0.3% | -0.3% | |
| Đức - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 4) | 56.9 | 54.4 | |
| Anh - Chỉ số quản lý sức mua hỗn hợp (Tháng 4) | 60.9 | 59.7 | |
| Anh - Chỉ số quản lý thu mua (PMI) - Sản xuất | 55.2 | | |
| Anh - Chỉ số PMI dịch vụ | 62.6 | | |
| Canada - Doanh số bán lẻ lõi (tháng/tháng) (Tháng 2) | 2.5% | 2.4% | |

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Phố Wall giảm điểm khi nhà đầu tư phản ứng lại với phát biểu của một số quan chức Fed, trong đó có Jerome Powell, về dự định quyết liệt tăng lãi suất trong năm nay. Chỉ số Dow Jones Industrial Average giảm 368,03 điểm, tương đương với 1,05%, xuống còn 34.792,76 điểm. Chỉ số S&P 500 giảm 65,79 điểm, tương đương 1,48%, xuống còn 4.393,66 điểm. Nasdaq giảm 278,41 điểm, hay 2,07%, còn 13.174,65 điểm. Lãi suất có thể sẽ tăng 0,5% sau phiên họp của Fed, diễn ra trong hai ngày 3-4/5, và sẽ là một trong nhiều lần điều chỉnh lãi suất trong năm nay, ông Powell chia sẻ.
- Giá dầu tăng bởi lo ngại về nguồn cung thắt chặt khi Liên minh Châu Âu cân nhắc một lệnh cấm nhập khẩu dầu từ Nga có thể sẽ hạn chế hơn nữa hoạt động giao dịch dầu trên thế giới. Chốt phiên, dầu thô Brent tăng 1,53 USD lên 108,33 USD/thùng sau khi đạt mức 109,8 USD/thùng. Dầu WTI tăng 1,6 USD hay 1,6% lên 103,79 USD/thùng sau khi đạt 105,42 USD/thùng.
- Giá vàng giảm 1% xuống mức thấp nhất hai tuần, bởi lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng và nhu cầu tài sản rủi ro mạnh lên, với các nhà đầu tư dự kiến chính sách thắt chặt tích cực của Cục dự trữ Liên bang. Vàng giao ngay giảm 0,6% xuống 1.946,73 USD/ounce sau khi xuống mức thấp nhất kể từ ngày 8/4. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 6 đóng cửa giảm 0,4% xuống 1.948,20 USD/ounce.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 VHM, VIC và VJC là những nguyên nhân chính khiến chỉ số VN30 tiếp tục giảm điểm. Trong đó, VHM gây ảnh hưởng -3,09 điểm tới chỉ số VN30.



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

| Cổ phiếu | Ngành | Tỷ trọng (%) | Giá | %Chg | H-L | GTGD | Điểm tác động | PE | PB |
|------------|---|--------------|---------|-------|--------|---------|---------------|----------|------|
| VPB | Banks | 8.37 | 35,500 | 0.85 | 5.80% | 673.838 | 1.01 | 9.16 | 1.81 |
| HPG | Metals & Mining | 8.08 | 43,350 | 0.35 | 4.75% | 770.973 | 0.40 | 6.05 | 2.14 |
| TCB | Banks | 7.54 | 43,600 | 1.28 | 2.56% | 435.896 | 1.36 | 8.47 | 1.66 |
| FPT | Electronic Equipment, Instruments & Components | 6.54 | 112,000 | 0.00 | 4.23% | 461.779 | 0.00 | 23.37 | 5.67 |
| VIC | Real Estate Management & Development | 6.12 | 77,500 | -2.27 | 2.58% | 209.961 | -2.03 | #N/A N/A | 2.87 |
| ACB | Banks | 5.48 | 31,500 | -1.25 | 3.17% | 188.576 | -0.99 | 8.86 | 1.90 |
| MWG | Specialty Retail | 5.46 | 155,500 | -0.32 | 2.47% | 357.663 | -0.25 | 22.42 | 5.44 |
| MSN | Food Products | 5.28 | 123,000 | -1.05 | 2.46% | 185.721 | -0.80 | 20.34 | 5.31 |
| VHM | Real Estate Management & Development | 4.94 | 64,000 | -4.19 | 4.69% | 430.197 | -3.09 | 7.11 | 2.23 |
| VNM | Food Products | 4.75 | 75,000 | -0.79 | 2.00% | 349.247 | -0.54 | 16.60 | 4.74 |
| MBB | Banks | 4.72 | 30,000 | 1.69 | 4.98% | 377.145 | 1.12 | 8.92 | 1.90 |
| NVL | Real Estate Management & Development | 4.10 | 80,100 | -1.60 | 1.88% | 373.714 | -0.95 | 41.92 | 4.41 |
| STB | Banks | 3.75 | 27,650 | 0.36 | 4.61% | 274.85 | 0.19 | 14.85 | 1.52 |
| VCB | Banks | 3.09 | 78,400 | 0.00 | 1.28% | 170.984 | 0.00 | 16.93 | 3.40 |
| VJC | Airlines | 2.80 | 136,500 | -3.87 | 4.18% | 101.91 | -1.61 | 60.12 | 4.37 |
| HDB | Banks | 2.63 | 24,900 | -3.30 | 7.05% | 119.583 | -1.28 | 8.19 | 1.71 |
| TPB | Banks | 2.50 | 34,800 | -1.97 | 6.45% | 131.67 | -0.72 | 10.52 | 2.01 |
| SSI | Capital Markets | 1.90 | 36,050 | 2.41 | 6.67% | 447.749 | 0.64 | 11.93 | 2.39 |
| PNJ | Textiles, Apparel & Luxury Goods | 1.86 | 119,000 | 0.08 | 2.35% | 171.247 | 0.02 | 26.29 | 4.50 |
| VRE | Real Estate Management & Development | 1.64 | 30,500 | -0.49 | 7.71% | 168.071 | -0.12 | 52.72 | 2.26 |
| CTG | Banks | 1.58 | 29,000 | 1.05 | 3.87% | 153.71 | 0.23 | 9.89 | 1.50 |
| KDH | Real Estate Management & Development | 1.52 | 48,000 | -3.81 | 6.11% | 81.04 | -0.86 | 26.95 | 3.03 |
| PDR | Capital Markets | 1.29 | 63,400 | -0.16 | 4.05% | 190.454 | -0.03 | 22.83 | 5.83 |
| SAB | Food Products | 0.91 | 169,700 | -1.34 | 2.94% | 84.412 | -0.18 | 29.68 | 5.13 |
| GAS | Gas Utilities | 0.76 | 105,000 | -1.50 | 5.15% | 113.538 | -0.17 | 23.97 | 3.93 |
| BID | Banks | 0.59 | 38,500 | 1.45 | 2.92% | 79.903 | 0.12 | 18.48 | 2.34 |
| POW | Independent Power and Renewable Electricity Produce | 0.59 | 13,300 | 1.92 | 7.97% | 212.781 | 0.16 | 17.33 | 1.09 |
| PLX | Oil, Gas & Consumable Fuels | 0.48 | 50,300 | -1.95 | 3.19% | 101.666 | -0.14 | 21.46 | 2.54 |
| BVH | Beverages | 0.37 | 66,500 | 3.91 | 12.13% | 233.095 | 0.20 | 26.04 | 2.33 |
| GVR | Real Estate Management & Development | 0.37 | 30,500 | -6.30 | 8.57% | 137.874 | -0.35 | 29.34 | 2.55 |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30 | Đặc điểm sản phẩm |
|-----|---|---|
| 1 | Mã hợp đồng | VN30F-yy-mm |
| 2 | Tài sản cơ sở | Chỉ số cổ phiếu VN30 |
| 3 | Hệ số nhân hợp đồng | 100.000 đồng |
| 4 | Quy mô 01 hợp đồng | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30 |
| 5 | Tháng đáo hạn | -Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất |
| 6 | Phương thức giao dịch | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận |
| 7 | Thời gian giao dịch | GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45 GD khớp lệnh liên tục - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30 GD Thỏa thuận - 08h45 - 14h45 |
| | Các loại lệnh giao dịch | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC. |
| | Nguyên tắc khớp lệnh | Ưu tiên giá và thời gian. |
| 10 | Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh | 01 hợp đồng |
| 11 | Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh | 500 hợp đồng |
| 12 | Đơn vị yết giá/ Bước giá | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng |
| 13 | Biên độ dao động | +/- 7% |
| 14 | Ngày giao dịch cuối cùng | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước. |
| 15 | Ngày thanh toán cuối cùng | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng. |
| 16 | Phương thức thanh toán | Thanh toán bằng tiền |
| 17 | Giá thanh toán hàng ngày | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng. |
| 18 | Giá thanh toán cuối cùng | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL. |
| 19 | Giá tham chiếu | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước. |
| 20 | Mở tài khoản | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS. |
| 21 | Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng |
| 22 | Mức ký quỹ ban đầu | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23 | Mức ký quỹ duy trì | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu. |
| 24 | Ký quỹ bổ sung | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch. |
| 25 | Thoát khỏi hợp đồng tham gia | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó. |

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

| | | |
|----------------|--------------------------|--|
| Trần Hoàng Sơn | Trưởng bộ phận/Kiểm soát | son.tranhoang@mbs.com.vn |
| Phạm Văn Quỳnh | Chuyên viên nghiên cứu | quynh.phamvan@mbs.com.vn |
| Đinh Việt Long | Chuyên viên nghiên cứu | long.dinhviet@mbs.com.vn |